

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2025
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Việt; Bà Vương Thị Xuyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2025/TLST - HNGĐ ngày 12/5/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Thào Thị V, sinh năm 1993. Số CCCD: 000000 cấp ngày 19/4/2025; nghề nghiệp: Làm nương. Địa chỉ: Thôn Lán Xì A, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (nay là thôn Lán Xì A, xã P1, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Vàng Mí S, sinh năm 1990. Số CCCD: 002090009009; nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn Lán Xì A, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (nay là thôn Lán Xì A, xã P1, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2025, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Thào Thị V trình bày: Chị và anh Vàng Mí S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 22/02/2011. Việc kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (nay là xã P1, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh S có quan hệ với người con gái khác. Đến năm 2021 anh S thường xuyên đi uống rượu say về chửi bới, đập phá đồ đạc, đánh đập chị. Chị đã khuyên ngăn anh bỏ rượu nhiều lần nhưng anh S không nghe, vẫn rượu chè làm khổ vợ con. Đầu năm 2022 vợ chồng anh chị đi làm tại Bình Dương, anh S hay ghen tuông, hai vợ chồng đánh chửi nhau. Đến

khoảng tháng 07/2022 chị đã bỏ về nhà ngoại sinh sống, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn nói chuyện, liên lạc với nhau. Hai bên gia đình nội ngoại đã hòa giải nhiều lần cho hai vợ chồng nhưng vẫn không tháo gỡ được mâu thuẫn. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Mí S. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là V Mí N, sinh ngày 25/01/2010 và Vàng Mí S1, sinh ngày 13/8/2012. Ly hôn chị V yêu cầu giao 02 cháu Vàng Mí N và Vàng Mí S1 cho anh Vàng Mí S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Thào Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự ghi ý kiến ngày 20/5/2025 và tại phiên tòa bị đơn anh Vàng Mí S trình bày: Anh S nhất trí nội dung chị V trình bày về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Đối với nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh không nhất trí, anh cho rằng từ năm 2017 anh không uống rượu, anh chỉ uống rượu từ năm 2020. Từ đầu năm 2020 chị V đi làm thuê tại Bình Dương, khoảng tháng 10/2020 chị V cách ly dịch Covid 19 tại xã P sau đó chị V về nhà ngoại sinh sống không quay trở về gia đình với chồng con nữa. Anh và gia đình nhà nội đã sang nhà ngoại đón chị V nhưng chị V nhất quyết không về và đòi ly thân, chỉ khi bà anh sang đón thì chị V mới quay trở về nhà. Đến năm 2022 vợ chồng đi làm tại Bình Dương anh không được ghen tuông, không cãi chửi nhau như lời chị V trình bày. Khoảng tháng 9/2022 chị V lại bỏ về nhà ngoại sau đó đi làm tại Vị Xuyên và ly thân đến bây giờ. Anh cho rằng vợ chồng mâu thuẫn cũng đã qua rồi, anh không muốn ly hôn vì còn các con. Do đó anh không nhất trí ly hôn với chị Thào Thị V. Về con chung: Anh S xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Vàng Mí N, sinh ngày 25/01/2010 và Vàng Mí S1, sinh ngày 13/8/2012 như lời chị V trình bày là đúng. Hiện hai cháu đang ở với anh, những lúc anh đi làm thì 02 cháu ở nhà nội hoặc sang nhà ngoại. Do anh không nhất trí ly hôn nên anh mong muốn cả hai vợ chồng cùng nuôi dạy con cái.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, anh S không muốn ly hôn vì mâu thuẫn đã lâu có thể bỏ qua được và vì thương các con. Về con chung, anh S và chị V có quan điểm trường hợp ly hôn mỗi người có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung đến khi trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số

85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Điều 51, Điều 56, khoản 1 điều 81; điều 82; và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thào Thị V, chị Thào Thị V được ly hôn với anh V Mí S.

Về con chung: Giao cháu Vàng Mí N, sinh ngày 25/01/2010 cho chị V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cho anh S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V Mí S1, sinh ngày 13/8/2012 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị V và anh N không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Thào Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Thào Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Vàng Mí S cư trú tại thôn Lán Xì A, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (nay là thôn Lán Xì A, xã P1, tỉnh Tuyên Quang). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thào Thị V và anh Vàng Mí S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 22/02/2011. Việc kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (nay là xã P1, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2020, chị V về nhà ngoại sinh sống không quay trở về gia đình với chồng con nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được chị V làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Bị đơn anh S không nhất trí ly hôn với chị V với lý do mâu thuẫn vợ chồng đã lâu rồi, và vì các con. Quá trình xác minh thấy rằng chị V và anh S chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, bị đơn anh S cũng xác nhận anh chị đã sống ly thân. Xét thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V. Xử cho chị Thào Thị V ly hôn anh Vàng Mí S.

[3] Về con chung: Chị V, anh S xác nhận anh chị có 02 con chung là V Mí N, sinh ngày 25/01/2010 và V Mí S1, sinh ngày 13/8/2012. Tại phiên tòa anh S

và chị V có quan điểm trường hợp ly hôn mỗi người có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 cháu đến khi cháu trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy về điều kiện nuôi con, chị V và anh S đều làm ruộng, về quyền, nghĩa vụ và điều kiện nuôi con là như nhau. Vì vậy khi giải quyết ly hôn cần giao cho chị V và anh S mỗi người có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung. Trong đó giao cháu V Mí S1, sinh ngày 13/8/2012 cho anh S có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu V Mí N, sinh ngày 25/01/2010 cho chị V có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị V là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị V theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thào Thị V.

Xử cho chị Thào Thị V được ly hôn với anh Vàng Mí S.

2. Về con chung:

Giao cháu Vàng Mí S1, sinh ngày 13/8/2012 cho anh Vàng Mí S có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Giao cháu Vàng Mí N, sinh ngày 25/01/2010 cho chị Thào Thị V có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 cháu đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về tài sản chung công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Thào Thị V.

5. Về quyền kháng cáo: Người có quyền kháng cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - TQ;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã P1 - TQ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Xuyên

Phạm Hồng Việt

Hoàng Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tiến Dũng

Phạm Hồng Việt

Hoàng Thị Vân